



# SCD-LBNo

QUẠT LY TÂM CÁNH BÀN, TRUYỀN ĐỘNG TRỰC TIẾP

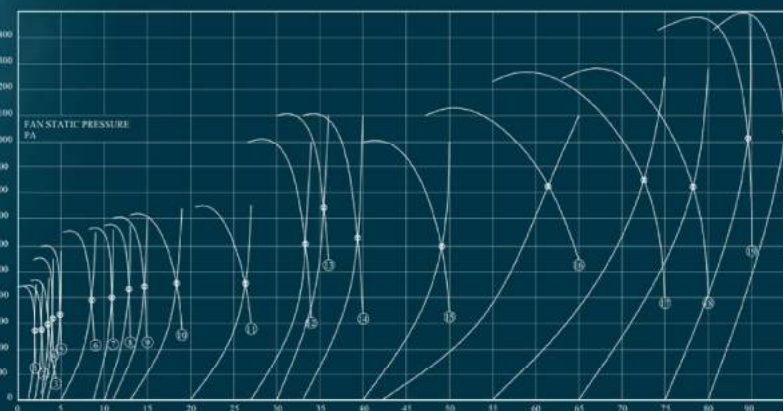
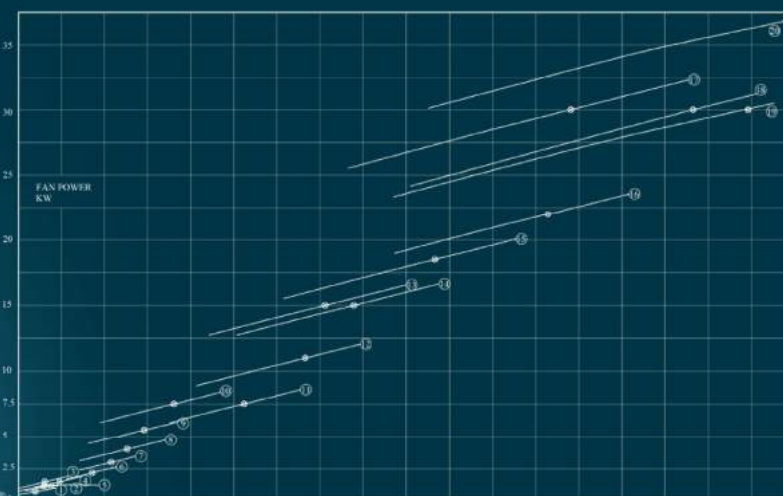


## SỬ DỤNG

Cấp khí tăng áp buồng thang khí xảy ra hỏa hoạn, hút khói, cấp khí tươi qua hệ thống ống gió...

## ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM

- ✦ Cánh quạt được truyền động trực tiếp.
- ✦ Quạt có thể lắp các loại động cơ thông thường hoặc động cơ chống cháy, chịu nhiệt từ 200°C đến 400°C trong 2h của POWER, ENERTECH, TOÀN PHÁT, ABB, SIMENS,...
- ✦ Vật liệu chế tạo: thép, Inox.



Volume Flow M3/h x 1000

SYSTEM FAN Prog V390

## BẢNG DỘ ỒN

MODEL	2,8	3,2	3,8	4	5	5,5	6,3	7	8	10	11	12	12,5	12,9			
SCD-LBNo	0,55	0,75	1,5	1,5	2,2	3	4	5,5	7,5	11	15	15	18,5	22	30	30	37
Inlet SPL dBA (Near Field)	71	71	74	74	77	80	80	82	86	85	88	89	90	91	91	93	92
Outlet SPL dBA (Near Field)	72	72	75	75	76	79	79	84	86	86	89	90	92	92	93	95	93
Cassing SPL dBA (3m)	60	60	63	68	72	75	75	76	79	80	82	84	85	86	88	89	89

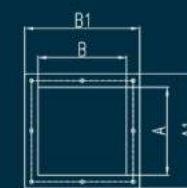
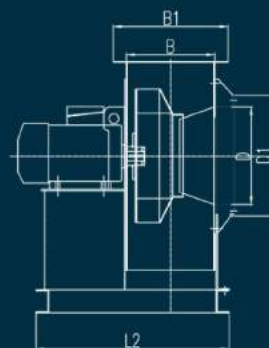
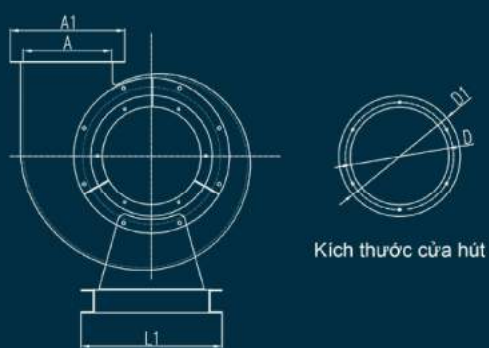
### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

STT	MODEL	Công suất	Tốc độ	Điện áp	Lưu lượng	Áp suất
		( kW )	( v/ph )	( V )	( m³/h )	( Pa )
1	SCD-LB2,8	0,55	4P	380	900-1500	150-350
2	SCD-LB3,2	0,75	4P	380	1500-2200	150-450
3	SCD-LB3,8	1,5	4P	380	2200-3200	200-550
4	SCD-LB4	1,5	4P	380	3300-5000	220-600
5	SCD-LB5	2,2	4P	380	5000-9000	230-650
		3	4P	380	8000-12000	250-660
6	SCD-LB5,5	4	4P	380	12000-15000	250-600
7	SCD-LB6,3	5,5	4P	380	15000-22000	250-700
8	SCD-LB7	7,5	4P	380	22000-27000	300-750
9	SCD-LB8	11	4P	380	27000-40000	320-1000
10	SCD-LB10	15	4P	380	38000-50000	330-1100
11	SCD-LB11	18,5	4P	380	50000-65000	550-1100
12	SCD-LB12	30	6P	380	62000-75000	400-1250
13	SCD-LB12,5	30	6P	380	65000-85000	400-1250
14	SCD-LB12,9	37	6P	380	80000-105000	600-1450

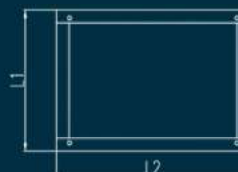
### KÍCH THƯỚC

Model	A	A1	B	B1	D	D1	L1	L2
2,8	190	250	190	250	180	240	350	460
3,2	220	300	220	300	300	370	400	520
3,8	260	340	240	320	300	370	400	540
4	270	350	270	350	300	370	420	570
5	320	400	320	400	350	420	500	700
	320	400	320	400	350	420	500	700
5,5	350	430	320	400	400	470	500	660
6,3	440	540	440	540	450	520	600	830
	440	540	440	540	450	520	600	830
7	485	585	463	560	500	570	750	890
8	600	700	500	600	700	770	700	1010
	600	700	500	600	700	770	700	1010
10	800	900	600	700	800	880	920	1100
11	800	900	600	700	800	880	920	1200
	800	900	600	700	800	880	920	1200
12	950	1050	800	900	900	1000	1020	1400
12,5	1040	1160	893	1013	1000	1120	1100	1500
12,9	1150	1270	989	1109	1110	1240	1200	1640

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



Kích thước cửa thổi



### CHIỀU QUAY HƯỚNG GIÓ

